

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2021/DS - ST

Ngày: 22/02/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Chiếu.

Ông Trần Văn Nghiệm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 27/01/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Lê Thị Kim P, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (tên thường gọi C).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, Tỉnh T.

(Bà P có mặt; ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Ông Nguyễn Văn T có tham gia chơi hụi do bà làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Hụi 300.000 đồng/phần/tháng, vào ngày 20/6/2012 (âm lịch) gồm 26 phần, phần ông Tót tham gia 01 phần hót kỳ thứ 03, kêu 100.000 đồng, hót 200.000 đồng, số tiền hót được:

02 phần chết x 300.000 đồng/phần = 600.000 đồng.

23 phần sống x 200.000 đồng/phần = 4.600.000 đồng.

Tổng cộng 5.200.000 đồng, ông T đóng huê hồng là 150.000 đồng, còn lại 5.050.000đồng, ông T không nhận tiền hụi mà trả qua tiền nợ cho bà P là

5.000.000 đồng và 500.000 đồng tiền lãi, nên ông T còn nợ bà P 4.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông T chỉ đóng được 2 phần hụi chết còn nợ lại 21 phần hụi x 300.000 đồng + 450.000 đồng (tiền nợ mượn dùm còn thiếu lại 450.000 đồng mà bà P ghi nhầm thành 500.000 đồng=6.750.000 đồng. Sau đó bà P đến đòi nợ nhưng ông T không trả nợ và xin chơi thêm 1 phần hụi để hốt hụi trừ nợ, hụi 500.000 đồng/phần khui vào ngày 05/3/2017 (âm lịch) gồm 24 phần hụi mãi ngày 05/02/2019, ông T tốt tham gia 1 phần hốt kỳ thứ nhất kê 110.000 đồng, hốt 390.000 đồng, số tiền hốt được chết 23 phần x 390.000 đồng phần = 8.970.000 đồng, ông T đóng huê hồng là 250.000 đồng, còn lại 8.720.000 đồng, trong biên nhận bà ghi nhầm là 8.450.000 đồng nên bà Phụng đồng ý theo biên nhận là 8.450.000 đồng, tuy nhiên ông T đồng ý ký nhận 8.450.000 đồng số tiền này. Ông T trả qua tiền nợ hụi bà P trước đó là 6.750.000 đồng, ông T còn dư lại 1.700.000 đồng. Ông T tốt không đóng lại phần hụi chết nào, ông T còn nợ lại 23 phần hụi chết, 23 phần x 500.000 đồng = 11.500.000 đồng. Vậy ông T còn nợ lại bà P: 11.500.000 đồng – 1.700.000 đồng = 9.800.000 đồng. Ngoài ra, ông T còn nợ bà P số tiền 1.000.000 đồng tiền gạo, bà P đã mua dùm ông T 02 bao gạo mỗi bao 50 kg, tổng cộng mua dùm ông T 100kg bà P mua nhưng ông T lại chở 100kg gạo, số tiền 1.000.000 đồng này của 100kg gạo bà P đã trả dùm ông T nên nay bà P đòi ông T trả cho bà P số tiền 1.000.000 đồng mua gạo này nhưng số tiền 1.000.000 đồng mua gạo này bà P không có giấy tờ hay biên nhận nợ gì.

Nay bà P yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả tổng số tiền là 10.800.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy triệu tập nhưng ông T không đến, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Tuy nhiên tại phiên tòa ông T có mặt.

Tại phiên tòa, bà P yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ hụi là 9.800.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi. Bà P không yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền mua gạo là 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T thừa nhận ông có tham gia chơi hụi do bà P đầu thảo nhưng ông tham gia chơi dùm người bạn tên T (không biết rõ họ, tên, địa chỉ). Quá trình chơi hụi ông T là người trực tiếp đóng hụi ông T có ký tên nhận tiền hụi, nhưng ông T không có nhận tiền hụi. Nay do ông đã ký tên nhận hụi nên ông đồng ý trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền nợ hụi là 9.800.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần nên ông T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, trả cho đến khi nào trả hết số tiền nợ là 9.800.000 đồng.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật

của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 440, 471 Bộ luật dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16; Điều 17 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P: Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Phụng số tiền nợ hui là 9.800.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị Kim P yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà số tiền mua gạo là 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim P: Tại phiên tòa bà P yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho bà số tiền nợ hui là 9.800.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi. Bà P cho rằng ông T có tham gia chơi hui do bà làm đầu thảo, cụ thể như sau: Hui 300.000 đồng/phần/tháng, vào ngày 20/6/2012 gồm 26 phần, phần ông Tót tham gia 01 phần hót kỳ thứ 03, kêu 100.000 đồng, hót 200.000 đồng, số tiền hót được:

$02 \text{ phần chết} \times 300.000 \text{ đồng/phần} = 600.000 \text{ đồng.}$

$23 \text{ phần sống} \times 200.000 \text{ đồng/phần} = 4.600.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng 5.200.000 đồng, ông T đóng huê hồng là 150.000 đồng, còn lại 5.050.000 đồng, ông T không nhận tiền hui mà trả qua tiền nợ cho bà là 5.000.000 đồng và 500.000 đồng tiền lãi, nên ông T còn nợ bà 4.500.000 đồng. Sau khi hót hui ông T chỉ đóng được 2 phần hui chết còn nợ lại 21 phần hui $\times 300.000 \text{ đồng} + 450.000 \text{ đồng}$ (tiền nợ mượn dùm còn thiếu lại 450.000 đồng) mà ghi nhầm thành 500.000 đồng = 6.750.000 đồng. Sau đó bà P đến đòi nợ nhưng ông T không trả nợ và xin chơi thêm 1 phần hui để hót hui trừ nợ, hui 500.000 đồng/phần khui vào ngày 05/3/2017 (âm lịch) gồm 24 phần hui mãi ngày 05/02/2019, ông T tham gia 1 phần hót kỳ thứ nhất kêu 110.000 đồng hót 390.000 đồng, số tiền hót được chết 23 phần $\times 390.000 \text{ đồng phần} = 8.970.000 \text{ đồng}$, ông T đóng huê hồng là 250.000 đồng, còn lại 8.720.000 đồng, trong biên nhận bà ghi nhầm là 8.450.000 đồng nên bà đồng ý theo biên nhận là 8.450.000 đồng, tuy nhiên ông T đồng ý ký nhận 8.450.000 đồng số tiền này. Ông T trả qua tiền nợ hui bà trước đó là 6.750.000 đồng, ông Tót còn dư lại 1.700.000 đồng. Ông T không đóng lại phần hui chết nào, ông T còn nợ lại 23 phần hui

chết, 23 phần x 500.000 đồng = 11.500.000 đồng, vậy ông T còn nợ lại bà: 11.500.000 đồng – 1.700.000 đồng = 9.800.000 đồng.

Bà P cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là các giấy nợ hui có chữ ký của ông T.

Tại phiên tòa, ông T thừa nhận ông có tham gia chơi hui do bà Lê Thị Kim P làm đầu thảo, ông có ký tên vào các giấy hui, chữ ký trong các giấy hui do bà P cung cấp là chữ ký của ông, nhưng ông cho rằng ông chơi hui dùm người bạn tên T ở gần nhà bà P nhưng ông không biết rõ họ, tên, địa chỉ của người bạn này, ông chỉ biết tên T, do mối quan hệ thân thiết trên mức bạn bè nên ông tự nguyện tham gia chơi hui, đóng tiền hui và ký tên nhận hui dùm người bạn tên Truyền này, số tiền hui thì bà T nhận chứ ông không nhận tiền hui mà ông chỉ ký nhận tiền hui của bà P. Tuy nhiên các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ thể hiện ông chơi hui dùm bà T thì ông không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án, bởi ông và bà T chỉ giao dịch miệng. Do ông là người trực tiếp chơi hui, ký tên nhận tiền hui của bà P nên ông tự nguyện đồng ý trả cho bà P số tiền nợ hui là 9.800.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) trả cho khi trả hết số tiền hui 9.800.000 đồng. Ông T thừa nhận có tham gia chơi hui do bà P làm đầu thảo, có ký tên vào các giấy hui, nên ông T đồng ý trả số tiền nợ hui là 9.800.000 đồng cho bà P, Do đó yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ chấp nhận phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên yêu cầu xin trả dần của ông T không được bà P đồng ý. Việc ông T xin trả dần là kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi của bà Phụng nên yêu cầu của ông T không Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, bà P không yêu cầu ông T trả lại cho bà 1.000.000 đồng tiền mua gạo, đây là sự tự nguyện của bà P và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Ghi nhận việc bà Lê Thị Kim P không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Phụng được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; 147; 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 440, 471, 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phườg.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P.

- Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 9.800.000 đồng (Chín triệu tám trăm ngàn đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông T chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả xong nợ.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị Kim P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền mua gạo là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 490.000 đồng (Bốn trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Do bà Lê Thị Kim P là người cao tuổi, bà P có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên không phải hoàn lại tiền án phí cho bà P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

Về nội dung: Tại phiên tòa, chị Huyền xin ly hôn, nguyên nhân do anh Tiến có nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh Tiến bảo chị nghỉ việc ở Sài Gòn về quê bên nhà của anh Tiến để làm, anh Tiến bỏ chị ra ngoài sống riêng 02 lần, không cần sự đồng ý của chị. Ngoài ra, chị và anh Tiến hay cãi vã, gây gổ về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 10/2016 đến nay anh Tiến đã bỏ chị về sống với cha mẹ anh, không còn quan tâm gì đến chị nữa nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị và anh Tiến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tiến. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Tiến thừa nhận mâu thuẫn chị Huyền trình bày là có nhưng do vợ cố chấp, vợ tự động bắt con đi mà không hỏi ý kiến của ai, anh bỏ đi 03 lần là để vợ nhận ra cái sai của mình.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày là có nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, trong thời gian ly thân cũng như trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh cũng không chủ động hàn gắn với chị Huyền. Hơn nữa, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng không có kết quả. Anh Tiến không đồng ý ly hôn, anh đưa ra thời gian để hàn gắn đến cuối năm 2017 nhưng với điều kiện chị Huyền thay đổi thì anh sẽ thay đổi. Lời trình bày nêu trên cho thấy anh Tiến cho thấy anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền yêu cầu ly hôn với anh Tiến là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh Tiến, ông Tửu, bà Nga. Ly hôn, chị Huyền yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chi; không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con. Anh Tiến cũng yêu cầu được nuôi cháu Chi; không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Huyền là có cơ sở bởi cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 đến nay cháu mới hơn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Mặc khác, Hội đồng xét xử

cũng xem xét đến điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi của anh chị cũng như có xem xét đến hoàn cảnh, môi trường sống của cháu Chi để xét yêu cầu nuôi con của anh Tiến, chị Huyền. Từ nhận định nêu trên, cần giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, cháu Quỳnh Chi hiện đang sống với anh Tiến, vì công việc nên ông Đình Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga là ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu Quỳnh Chi được giao cho chị Huyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Tiến, ông Tửu, bà Nga giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Huyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày, anh xin đến cuối năm 2017 sẽ đoàn tụ nhưng chị Huyền cũng phải sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi để hàn gắn như vậy, anh Tiến không có thiện chí trong việc vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền. Về con chung, chị Huyền tha thiết được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, chị có đủ điều kiện để được nuôi cháu Chi tốt nhất, hiện chị đang công tác tại Chi cục thuế quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập và nơi ở ổn định, hơn nữa cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hơn 02 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huyền được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Huyền, anh Tiến khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Huyền phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Huyền.

- **Về tình cảm:** Cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Đình Nguyễn Nhật Tiến.

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được nuôi dưỡng con chung tên Đình Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015. Chị Huyền không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến, ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga có nghĩa vụ giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí HNST:

Chị Nguyễn Thị Thu Huyền phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 34889 ngày 13/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Huyền đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tửu kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Anh Thạnh Thủy;.
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình

